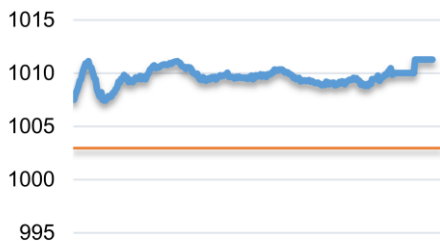


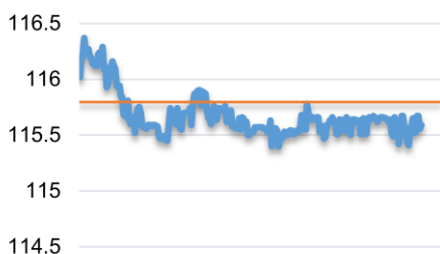
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	1,011.29	115.59	53.67
% ngày	0.83	(0.18)	0.33
% tuần	2.40	2.51	3.57
% tháng	2.46	3.56	4.02
% năm	25.29	8.52	(1.61)
<b>GTGD (Tỷ đồng)</b>			
Trong ngày	7,664	954	564
Hôm qua	3,883	78	459
TB 1 tháng	3,760	622	241
<b>Khối ngoại (Tỷ đồng)</b>			
Mua	530.69	5.99	27.00
Bán	463.49	11.09	40.29
Giá trị ròng	67.20	(5.10)	(13.29)
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	139	81	79
Mã Giảm	137	77	75
Không Đổi	77	226	580
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	18.2x	11x	10x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,207	203	890
LS Cổ tức	2.07	2.34	4.40

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

## VNINDEX



## HNX INDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Hôm nay là ngày đầu tiên Mỹ chính thức áp dụng mức thuế nhập khẩu 10% lên 200 tỷ đô hàng hóa Trung Quốc. Các thị trường khác có sự phân hóa khá rõ khi ở các thị trường HongKong, Ấn Độ, Thái Lan, Malaysia... có phiên giảm điểm trong phiên.

Thị trường Việt Nam cũng là một thị trường có phiên tăng điểm và chỉ số VN-Index đóng cửa ở mức 1,011 điểm và tăng thêm 0.83%. Sàn HNX cũng chịu áp lực bán từ VCS, PHP và ACB đã làm chỉ số giảm nhẹ 0.18% dừng lại ở mức 115.6 điểm. Thanh khoản của thị trường trong phiên được cải thiện tương đối khi tổng giá trị giao dịch trên toàn thị trường trên 5,200 tỷ đồng.

Trong phiên chiều nay, nhờ sự bứt phá của một số cổ phiếu trụ cột nên chỉ số VN-Index vẫn đi ngang trên mức tham chiếu. Cụ thể, các mã như KDC, MSN, NVL, VRE... đều có được mức tăng rất mạnh. Trong phiên hôm nay giá dầu Brent đã vượt mức \$80/thùng chính điều này đã hỗ trợ lớn cho nhóm ngành dầu khí tăng điểm mạnh như GAS tăng 1.6%, PVD tăng 6.5%, PLX tăng 3.1%. Ở chiều ngược lại, các cổ phiếu như VPB, VNM, BID, NTP, VCS, ... đều đồng loạt giảm giá.

Nhà đầu tư ngoại mua ròng lượng cổ phiếu với giá trị gần 50 tỷ đồng trên sàn cả 3 sàn và chủ yếu dòng vốn ngoại chảy vào các mã như MSN, HPG, VCB, VRE, VNM... và các mã bị rút ròng trong phiên là BID, GEX, BSR, VJC, DIG.

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường sẽ tiếp tục duy trì xu hướng tăng và các chỉ số chính có thể sẽ sớm tiệm cận đường trung bình 200 ngày. Điểm tích cực là thị trường vẫn đang trong giai đoạn biến động mạnh theo chiều hướng tích cực cho nên xu hướng tăng đang rất bền vững và rủi ro ngắn hạn vẫn ở mức thấp. Đồng thời, theo mô hình định lượng của chúng tôi, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục tăng mạnh và tiến về gần đỉnh mức 77% cổ phiếu, đây cũng là mức có rủi ro khá cao và thường thị trường sẽ điều chỉnh do cơ hội giải ngân mới đang có chiều hướng thu hẹp dần và thị trường sẽ có sự phân hóa.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số với mức cắt lỗ ở mức 984.27 điểm của chỉ số VN-Index và 111.93 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn hạn chế gia tăng đơn bẫy trong giai đoạn này hoặc hạn chế mua đuổi khi các chỉ số đang tiệm cận gần vùng kháng cự. Vị thế mua mới nên dành cho các cổ phiếu mới hình thành xu hướng (chúng tôi nhìn nhận cơ hội này khá ít và chủ yếu tập trung ở sàn Upcom).

**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn:** 72% cổ phiếu/28% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	1,000	1,044	955	890
Chỉ số HNX-Index	<b>TĂNG</b>	<b>TĂNG</b>	120.5	126.5	110.5	103.5

We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.50	GIẢM	GIẢM		17.65				19.58		
ACB	34.30	TĂNG	GIẢM	30.96	32.58	10.79%			36.35		
ACV	87.90	TĂNG	GIẢM	84.10	80.94	4.52%			93.16		
ANV	22.10	TĂNG	TĂNG	18.90	20.28	16.93%		21.45	21.39	3.03%	MUA
ASM	12.75	TĂNG	GIẢM	13.30	12.41	-4.14%			14.14		
BFC	27.00	GIẢM	GIẢM		27.90				28.92		
BHN	83.50	TĂNG	GIẢM	83.60	79.41	-0.12%			101.13		
BID	34.90	TĂNG	TĂNG	25.80	33.26	35.27%		33.40	28.16	4.49%	
BMP	63.00	TĂNG	TĂNG	56.20	56.89	12.10%			62.30		
BSR	19.90	TĂNG	GIẢM	18.10	17.93	9.94%			19.99		
BVH	97.70	TĂNG	TĂNG	95.70	91.94	2.09%		86.00	77.87	13.60%	
BWE	18.35	TĂNG	GIẢM	17.70	17.77	3.67%			19.20		
CEO	14.00	TĂNG	GIẢM	13.40	13.02	4.48%			14.91		
CHP	22.80	GIẢM	TĂNG		23.16			23.50	22.03	-2.98%	
CSM	14.30	TĂNG	TĂNG	14.25	13.73	0.35%		14.39	12.77	-0.63%	
CTD	169.80	TĂNG	TĂNG	149.50	159.17	13.58%		161.20	142.39	5.33%	
CTG	28.00	TĂNG	GIẢM	24.00	26.44	16.67%			28.07		
CTI	25.90	GIẢM	GIẢM		27.21				31.34		
CVT	27.00	TĂNG	GIẢM	27.05	25.96	-0.18%			29.20		
DCM	10.60	TĂNG	GIẢM	10.16	10.05	4.31%			10.69		
DGW	27.40	TĂNG	TĂNG	23.90	25.53	14.64%		27.50	26.51	-0.36%	MUA
DHA	28.00	TĂNG	GIẢM	28.20	27.22	-0.71%			28.49		
DHC	45.20	TĂNG	TĂNG	42.35	43.42	6.73%		44.60	43.77	1.35%	MUA
DHG	96.50	TĂNG	GIẢM	95.30	92.77	1.26%			104.17		
DPG	53.00	TĂNG	TĂNG	40.90	49.96	29.58%		52.00	39.74	1.92%	
DPM	18.30	TĂNG	GIẢM	18.10	17.40	1.10%			18.72		
DPR	37.60	TĂNG	GIẢM	37.50	36.77	0.27%			38.96		
DQC	29.45	TĂNG	GIẢM	29.55	27.96	-0.34%			30.33		
DRC	27.20	TĂNG	TĂNG	25.85	26.16	5.22%		24.30	22.77	11.93%	
DXG	29.65	TĂNG	TĂNG	28.80	27.98	2.95%		29.80	29.38	-0.50%	MUA
ELC	9.09	GIẢM	GIẢM		9.18				10.51		
FCN	16.30	TĂNG	TĂNG	16.45	15.62	-0.91%		17.70	14.10	-7.91%	
FIT	4.14	TĂNG	GIẢM	4.27	4.05	-3.04%			4.98		
FMC	26.85	TĂNG	TĂNG	21.20	25.64	26.65%		24.70	22.11	8.70%	
FPT	46.10	TĂNG	TĂNG	44.55	44.00	3.48%		45.90	45.46	0.44%	MUA
GAS	117.80	TĂNG	TĂNG	101.50	108.61	16.06%		103.00	87.13	14.37%	
GEX	27.90	GIẢM	TĂNG		29.24			30.10	25.97	-7.31%	
GIL	39.00	GIẢM	TĂNG		40.80			34.90	33.73	11.75%	

We Create Fortune

GMD	27.15	TĂNG	TĂNG	25.40	25.93	6.89%		27.30	27.06	-0.55%	MUA
GTN	11.25	TĂNG	TĂNG	11.25	11.22	0.00%	MUA	11.20	9.83	0.45%	
HAG	6.10	GIẢM	TĂNG		6.47			6.19	5.86	-1.45%	
HAX	17.20	TĂNG	GIẢM	16.40	16.39	4.88%			18.40		
HBC	24.20	TĂNG	GIẢM	23.80	22.98	1.68%			26.74		
HDB	39.00	TĂNG	GIẢM	38.20	37.19	2.09%			42.32		
HNG	16.60	TĂNG	TĂNG	16.70	16.44	-0.60%		8.20	14.25	102.44%	
HPG	41.30	TĂNG	GIẢM	37.20	39.43	11.02%			42.50		
HSG	12.30	TĂNG	GIẢM	11.35	11.64	8.37%			13.04		
HT1	13.65	TĂNG	TĂNG	11.75	13.19	16.17%		13.00	11.87	5.00%	
HUT	5.80	TĂNG	GIẢM	5.80	5.40	0.00%	MUA		6.47		
HVN	41.30	TĂNG	TĂNG	41.30	39.50	0.00%	MUA	39.20	31.92	5.36%	
ITD	11.90	GIẢM	TĂNG		12.30			12.40	11.14	-4.03%	
KBC	12.70	TĂNG	GIẢM	12.40	12.08	2.42%			13.24		
KDH	33.05	TĂNG	TĂNG	30.30	31.61	9.08%		33.40	26.95	-1.05%	
KSB	32.25	GIẢM	GIẢM		32.29				33.01		
LCG	9.21	TĂNG	TĂNG	9.46	9.05	-2.64%		9.39	8.35	-1.92%	
LDG	16.40	TĂNG	TĂNG	15.00	15.14	9.33%		16.50	15.06	-0.61%	MUA
LIX	48.00	TĂNG	TĂNG	41.20	46.85	16.50%		44.40	38.77	8.11%	
LPB	10.10	TĂNG	GIẢM	9.50	9.29	6.32%			10.88		
LSS	7.08	TĂNG	GIẢM	7.22	6.83	-1.94%			7.75		
MSN	94.50	GIẢM	TĂNG		94.90			90.60	81.25	4.30%	
MWG	126.70	TĂNG	TĂNG	122.00	118.95	3.85%		121.00	106.33	4.71%	
NKG	14.85	TĂNG	GIẢM	13.70	13.98	8.39%			15.54		
NLG	32.30	TĂNG	TĂNG	31.75	30.78	1.73%		32.40	31.83	-0.31%	MUA
NT2	26.00	TĂNG	GIẢM	25.74	25.61	1.02%			27.15		
NTL	9.73	TĂNG	TĂNG	10.35	9.59	-5.99%		10.45	8.94	-6.89%	
NTP	50.90	TĂNG	GIẢM	51.50	46.65	-1.17%		51.50	51.08	-0.82%	MUA
PAC	43.60	TĂNG	TĂNG	40.20	41.62	8.46%		44.10	42.18	-1.13%	MUA
PC1	28.00	TĂNG	GIẢM	26.15	26.43	7.07%			28.42		
PDR	26.50	TĂNG	GIẢM	26.50	26.24	0.00%	MUA		28.77		
PGC	14.20	TĂNG	GIẢM	14.35	13.90	-1.05%			15.56		
PHR	26.25	TĂNG	TĂNG	21.90	25.35	19.86%		24.00	21.67	9.38%	
PLX	73.00	TĂNG	TĂNG	60.50	67.89	20.66%		68.00	59.54	7.35%	
PNJ	102.40	GIẢM	TĂNG		102.91			103.90	86.95	-1.44%	
POW	15.90	TĂNG	TĂNG	13.00	14.97	22.31%		14.10	12.35	12.77%	
PPC	18.60	TĂNG	GIẢM	18.50	18.16	0.54%			19.21		
PTB	60.80	TĂNG	TĂNG	62.40	58.72	-2.56%		64.00	53.16	-5.00%	
PVD	18.95	TĂNG	TĂNG	15.75	16.46	20.32%		16.35	12.08	15.90%	
PVI	33.50	TĂNG	TĂNG	29.90	31.56	12.04%		33.00	32.96	1.52%	MUA
PVS	23.60	TĂNG	TĂNG	17.00	21.62	38.82%		20.90	17.01	12.92%	
PXS	6.80	TĂNG	TĂNG	6.17	6.26	10.21%		6.19	4.69	9.85%	
RAL	98.90	TĂNG	GIẢM	91.00	95.25	8.68%		103.60	100.14	-3.34%	MUA

We Create **Fortune**

REE	36.70	TĂNG	TĂNG	36.70	36.29	0.00%	MUA	36.40	31.68	0.82%
SAB	218.90	TĂNG	GIẢM	208.00	216.48	5.24%			233.02	
SAM	8.04	TĂNG	TĂNG	7.16	7.64	12.29%		7.75	6.79	3.74%
SBV	24.50	TĂNG	GIẢM	26.20	23.39	-6.49%			26.95	
SCR	9.50	TĂNG	GIẢM	9.47	9.17	0.32%			10.30	
SHI	6.13	GIẢM	TĂNG		6.24			6.99	5.88	-12.30%
SJS	19.05	GIẢM	GIẢM		20.12				21.87	
SKG	24.20	TĂNG	TĂNG	23.70	23.55	2.11%		23.10	20.08	4.76%
SSI	33.15	TĂNG	GIẢM	29.55	31.43	12.18%			34.19	
STB	12.55	TĂNG	GIẢM	11.20	12.13	12.05%			12.71	
SVC	42.50	GIẢM	GIẢM		43.97				48.38	
TCB	28.10	TĂNG	GIẢM	26.60	26.64	5.64%			N/A	
TCM	29.60	TĂNG	TĂNG	17.80	27.92	66.29%		21.60	21.53	37.04%
TDH	11.75	TĂNG	GIẢM	11.75	11.59	0.00%	MUA		12.91	
TLH	7.81	TĂNG	GIẢM	7.49	7.13	4.27%			7.98	
TMT	9.40	TĂNG	TĂNG	7.60	8.95	23.68%		9.29	5.90	1.18%
TNG	16.50	TĂNG	TĂNG	10.80	14.61	52.78%		12.00	10.99	37.50%
TYA	10.40	GIẢM	GIẢM		10.78				11.82	
VCB	65.20	TĂNG	TĂNG	64.00	62.13	1.88%		64.60	64.41	0.93%
VFG	34.80	GIẢM	TĂNG		37.11			34.39	32.56	1.18%
VGC	18.80	TĂNG	GIẢM	17.90	17.94	5.03%			21.13	
VHM	102.90	GIẢM	N/A		107.13					
VIB	29.20	TĂNG	GIẢM	27.90	26.87	4.66%			N/A	
VIC	99.60	GIẢM	TĂNG		101.62			111.50	92.44	-10.67%
VIP	6.90	GIẢM	GIẢM		7.07				7.29	
VJC	152.10	GIẢM	TĂNG		154.02			156.00	130.21	-2.50%
VNM	137.00	TĂNG	GIẢM	132.00	132.36	3.79%			139.87	
VPB	25.95	TĂNG	GIẢM	25.80	24.80	0.58%			30.02	
VRC	22.60	TĂNG	TĂNG	17.75	22.55	27.32%		19.35	19.68	16.80%
VRE	39.50	TĂNG	GIẢM	39.50	38.54	0.00%	MUA		44.44	
VSC	43.50	TĂNG	TĂNG	42.90	40.87	1.40%		35.30	35.61	23.23%
VSH	17.60	GIẢM	TĂNG		17.61			17.40	16.64	1.15%



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	1,011.29	0.83
VN30	985.59	1.15
VN Mid	1,052.24	0.14
VN Small	846.04	0.51

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	115.59	(0.18)
HN30	213.21	0.11
VNX AllSh	1,421.65	0.60

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	53.67	0.33

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	530.69	
Bán	463.49	
GT rỗng	67.20	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	5.99	
Bán	11.09	
GT rỗng	(5.10)	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	27.00	
Bán	40.29	
GT rỗng	(13.29)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
FTS	950	6.93%
NVL	4100	6.83%
VDS	650	6.70%
PVD	1150	6.46%
TCH	1150	5.07%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HUT	500	9.43%
TNG	1300	8.55%
AMV	600	2.12%
PVS	400	1.72%
PVI	500	1.52%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
GEG	900	7.09%
HVN	1900	4.82%
BSR	600	3.11%
ACV	2200	2.57%
VIB	600	2.10%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PAN	-2,200	-3.70%
NKG	-350	-2.30%
HCM	-1,400	-2.08%
CVT	-500	-1.82%
HAR	-110	-1.77%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VCS	-2,500	-2.53%
NDN	-300	-2.08%
VGC	-200	-1.05%
DBC	-300	-1.00%
MBS	-100	-0.54%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
LPB	-200	-1.94%
DVN	-200	-1.19%
MPC	-500	-1.07%
VGG	-200	-0.36%
QNS	-100	-0.25%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	317,885	
VHM	275,732	
VNM	238,577	
VCB	234,575	
GAS	225,463	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	42,778	
VCS	15,408	
SHB	10,708	
PVS	10,542	
VGC	8,429	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	191,370	
BSR	61,700	
MCH	53,979	
HVN	51,629	
POW	37,236	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
STB	7.25	6.44
ASM	5.29	4.25
HSG	5.20	3.96
IDI	5.15	2.48
VPB	4.82	4.71

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
HUT	10.32	1.43
SHB	7.77	8.46
PVS	3.78	6.55
ACB	2.80	4.89
TNG	2.01	0.68

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
ART	3.58	1.20
BSR	3.44	2.50
LPB	2.41	1.57
HVN	2.18	0.80
POW	1.86	1.94

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

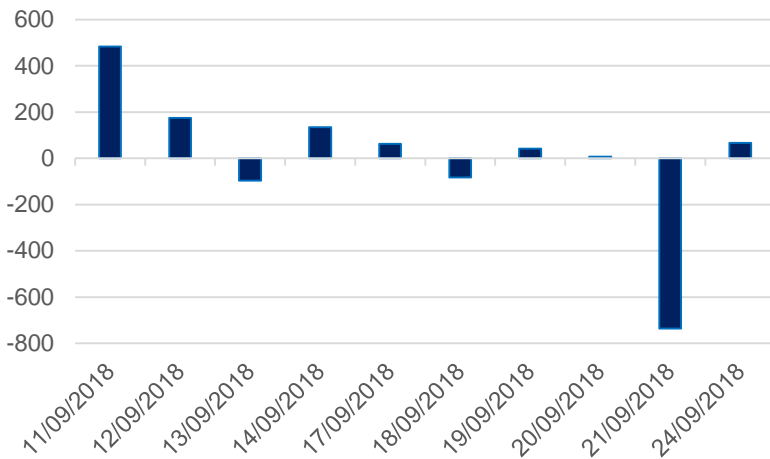
Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create Fortune

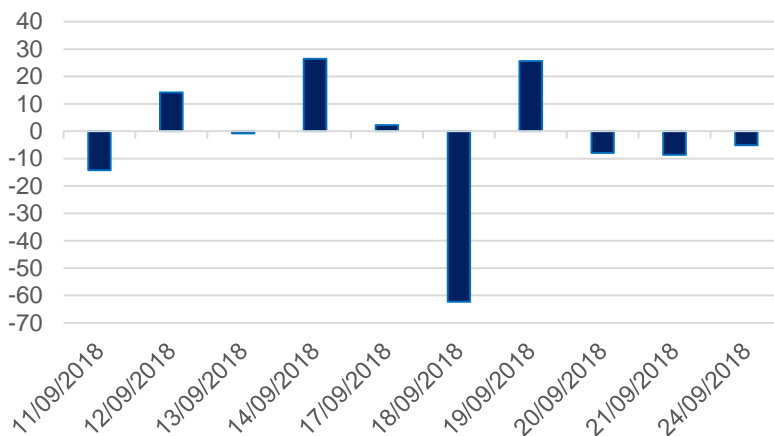
### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
MSN	42,403	BID	(27,089)
HPG	26,637	GEX	(21,099)
VCB	18,594	VJC	(12,857)
VRE	16,080	DIG	(9,519)
VNM	15,111	VHM	(8,511)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

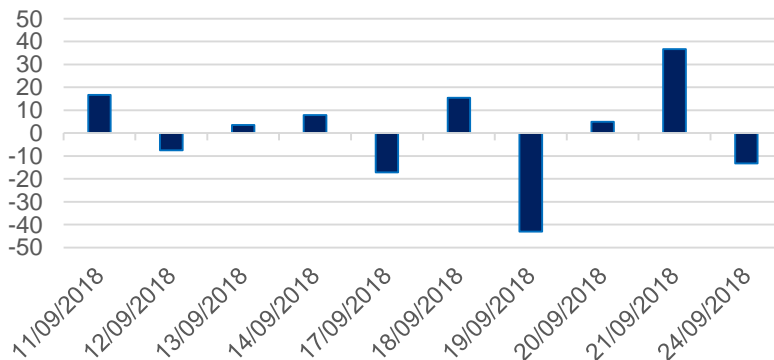
### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
PVS	1,482	VCS	(3,295)
VGC	1,375	TIG	(2,468)
SHS	980	SHB	(1,493)
CDN	135	PVB	(1,445)
THT	115	BVS	(525)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
VEA	6,926	BSR	(18,174)
HVN	1,352	POW	(3,127)
ICC	730	VGT	(2,254)
GEG	371	KHA	(64)
NS3	186	LPB	(29)

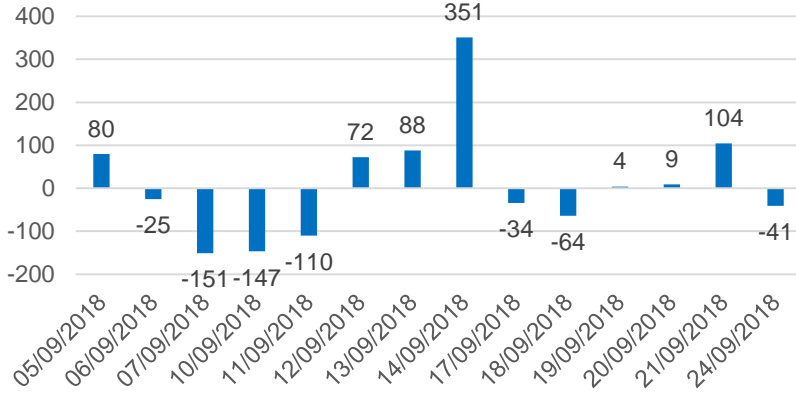
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create Fortune

### THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

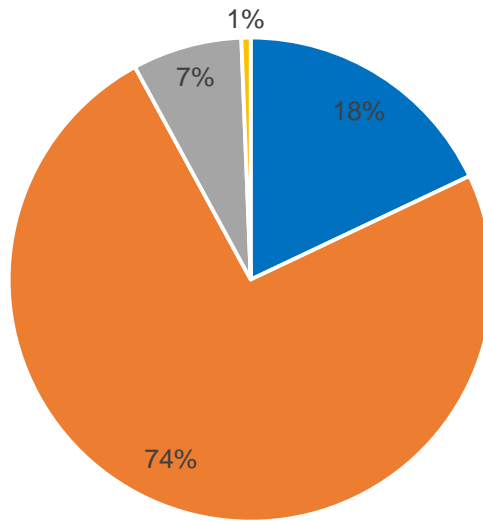


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VNĐ)
NVL	35,538	NVL	33,352
MWG	17,099	VIC	27,672
FUCTVGF1	14,026	E1VFN30	7,559
SSI	9,406	VHM	6,633
VIC	8,705	HPG	5,485

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

### CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



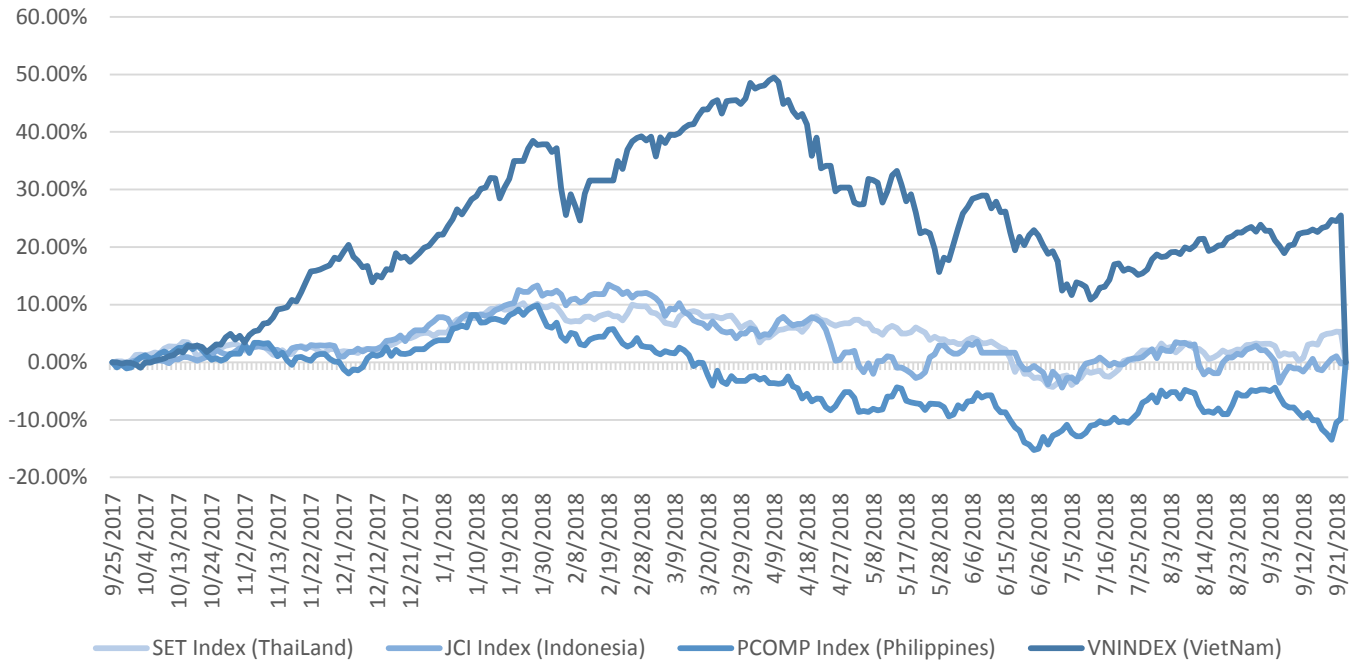
- Tổ chức nước ngoài
- Cá nhân trong nước
- Tổ chức trong nước
- Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

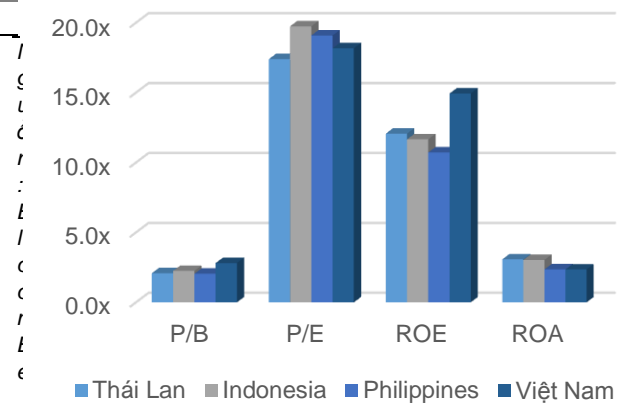
## Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.1x	2.3x	2.0x	2.8x
P/E		17.4x	19.7x	19.1x	18.2x
ROE	%	12.07	11.66	10.72	14.94
ROA	%	3.08	3.03	2.36	2.35
Vốn hóa	Tỷ USD	545.99	453.31	171.29	137.42
GTGD	Triệu USD	2.21	0.59	0.15	0.33
LS cổ tức	%	3.01	2.31	1.59	2.07

ng & Yuanta Research





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

**Quách Đức Khánh**

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

**Chung Kim Hoa**

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

**Phù Vĩnh Quế**

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written